TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Y;
2. Ông Bùi Hoàng Tr.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Lê Trung H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1062/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1981; nơi thường trú: Số 397C khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1981; nơi thường trú: Ấp K, xã Tân An T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 397C khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Y và ông Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 05 tháng 7 năm 2019. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 01 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông thống nhất về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung, ông xác định mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, nhiều lúc nóng giận ông có lớn tiếng với bà Y, ông xác định hiện nay ông vẫn còn tình cảm với bà Y nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của bà Y.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu Y khởi kiện ông Lê Văn Đ yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Thu Y có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Yến.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Y và ông Lê Văn Đ tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 05 tháng 7 năm 2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà Y xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà Y được biết: Ông Đ là chồng sau của bà Y, quá trình chung sống ông Đ và bà Y thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng với các con riêng của bà Y. Ông Đ thường xuyên uống rượu, chửi mắng bà Y và các con riêng của bà Y. Mỗi lần xảy ra cãi vã, đánh nhau bà Y đều nhờ Khu phố và Công an phường đến hỗ trợ hòa giải cho hai vợ chồng. Địa phương đã hòa giải cho hai vợ chồng rất nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thay đổi.

Ngày 04/01/2024 Tòa án có hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông Đ và bà Y xác định không thể đoàn tụ được và quyết định ly hôn, do đó Tòa án lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, sau đó ngày 05/01/2024 ông Đ có đơn đề nghị thay đổi kết quả hòa giải thành ngày 04/01/2024 để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Việc ông Đ cho rằng ông không đồng ý ly hôn vì còn thương bà Yến nhưng bà Y xác định bà không còn tình cảm với ông Đ, vẫn quyết định ly hôn. Do đó, có căn cứ cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa bà Y và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Y yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thu Y không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Y đối với bị đơn ông Lê Văn Đ về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Y được ly hôn với ông Lê Văn Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0013296 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA